

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018 VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số 146/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2018				Ghi chú	
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó:	Tổng số				Trong đó:	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số		Trong đó:	Thanh toán nợ XDCB		
																				Thu hồi các khoản vốn ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>8.187.508</b>	<b>4.400.615</b>	<b>6.515.527</b>	<b>4.235.278</b>			<b>2.103.355</b>	<b>1.024.979</b>	<b>1.379.271</b>	<b>1.270.000</b>			<b>1.379.271</b>	<b>1.270.000</b>				
	<i>Trong đó:</i>																			
	<i>- Dự phòng 10%</i>				<i>651.553</i>	<i>423.528</i>					<i>137.927</i>	<i>127.000</i>			<i>137.927</i>	<i>127.000</i>				
	<i>- Phân bổ chi tiết 90%, cụ thể như sau:</i>		<b>8.187.508</b>	<b>4.400.615</b>	<b>5.863.974</b>	<b>3.811.750</b>					<b>1.241.344</b>	<b>1.143.000</b>			<b>1.241.344</b>	<b>1.143.000</b>				
<b>A</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư và thực hiện một số công việc cần thiết khác (đền bù, GPMB...)</b>		<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>			<b>25.000</b>	<b>25.000</b>	<b>64.000</b>	<b>64.000</b>			<b>64.000</b>	<b>64.000</b>				
<b>B</b>	<b>Thực hiện đầu tư</b>		<b>8.087.508</b>	<b>4.300.615</b>	<b>5.763.974</b>	<b>3.711.750</b>			<b>2.078.355</b>	<b>999.979</b>	<b>1.172.344</b>	<b>1.074.000</b>			<b>1.172.344</b>	<b>1.074.000</b>			<b>100,00%</b>	
1	Giáo dục và đào tạo		1.998.394	1.374.841	1.269.583	1.214.135			576.073	534.100	434.060	434.060			434.060	434.060			40,42%	
2	Giao thông		1.682.664	794.330	1.410.748	728.081			644.045	301.160	323.984	255.640			323.984	255.640			23,80%	
3	Hạ tầng đô thị - công nghiệp,		2.178.243	1.502.957	1.543.313	1.322.134			392.695	14.000	286.600	286.600			286.600	286.600			26,69%	
4	Nông nghiệp và PTNT		1.920.013	371.909	1.300.630	233.900			323.111	73.150	63.000	33.000			63.000	33.000			3,07%	
5	Văn hóa - Xã hội		13.341	5.035	13.200	5.000			1.500	1.500	2.300	2.300			2.300	2.300			0,21%	
6	Y tế		294.853	251.543	226.500	208.500			140.931	76.069	62.400	62.400			62.400	62.400			5,81%	
	<i>Trong đó: CTMTQG XDNTM</i>										<i>138.600</i>	<i>138.600</i>			<i>138.600</i>	<i>138.600</i>			<i>12,91%</i>	
	<i>Bao gồm:</i>																			
<b>I</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>		<b>1.998.394</b>	<b>1.374.841</b>	<b>1.269.583</b>	<b>1.214.135</b>			<b>576.073</b>	<b>534.100</b>	<b>434.060</b>	<b>434.060</b>			<b>434.060</b>	<b>434.060</b>				
<b>(1)</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018</b>		<b>142.981</b>	<b>128.994</b>	<b>109.000</b>	<b>94.552</b>			<b>65.290</b>	<b>51.000</b>	<b>36.000</b>	<b>36.000</b>			<b>36.000</b>	<b>36.000</b>				
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>		<b>128.985</b>	<b>115.664</b>	<b>96.000</b>	<b>82.200</b>			<b>58.643</b>	<b>45.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>			<b>30.000</b>	<b>30.000</b>				
	- Mua sắm thiết bị mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011 -2015	1219/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	51.788	49.000	49.000	35.200			33.643	20.000	15.000	15.000			15.000	15.000				

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Nhu cầu kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2018				Ghi chú				
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	- Trường trung cấp nghề - TTGDTX huyện Thanh Bình	985/QĐ-UBND.HC ngày 9/10/2014 của UBND Tỉnh	77.197	66.664	47.000	47.000			25.000	25.000	15.000	15.000			15.000	15.000			
b	Dự án nhóm C		13.996	13.330	13.000	12.352			6.648	6.000	6.000	6.000			6.000	6.000			
	- Nhà tập luyện các môn võ	1218/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	13.996	13.330	13.000	12.352			6.648	6.000	6.000	6.000			6.000	6.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018		1.796.604	1.221.768	1.136.504	1.095.504			510.783	483.100	384.060	384.060			384.060	384.060			
a	Dự án nhóm B		1.774.219	1.201.668	1.116.404	1.077.404			501.283	475.600	376.060	376.060			376.060	376.060			
	- Chương trình kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		1.628.476	1.072.468	1.005.404	978.404			466.483	452.800	326.060	326.060			326.060	326.060			
	- Chương trình xây dựng Trung tâm Văn hoá-Học tập cộng đồng cấp xã giai đoạn 2016-2020 (hỗ trợ cấp huyện)		145.743	129.200	111.000	99.000			34.800	22.800	50.000	50.000			50.000	50.000			
b	Dự án nhóm C		22.385	20.100	20.100	18.100			9.500	7.500	8.000	8.000			8.000	8.000			
	- Mua sắm trang thiết bị bàn ghế học sinh cho các Trường Phổ thông trên địa bàn Tỉnh	1091/QĐ-UBND.HC ngày 28/9/2016 của UBND Tỉnh	22.385	20.100	20.100	18.100			9.500	7.500	8.000	8.000			8.000	8.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2018		58.809	24.079	24.079	24.079					14.000	14.000			14.000	14.000			
a	Dự án nhóm B		58.809	24.079	24.079	24.079					14.000	14.000			14.000	14.000			

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017			Nhu cầu kế hoạch năm 2018					Dự kiến kế hoạch năm 2018					Ghi chú					
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT														Tổng số		Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20					
	- Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp (đối ứng xây dựng)	4539/QĐ-BCA-H41, ngày 10/11/2010; 6135/QĐ-BCA-H41 ngày 30/10/2015 của Bộ Công An	58.809	24.079	24.079	24.079					14.000	14.000			14.000	14.000								
II	Giao thông		1.682.664	794.330	1.410.748	728.081			644.045	301.160	323.984	255.640			323.984	255.640								
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018		337.396	215.749	242.500	164.500			90.000	45.500	94.100	94.100			94.100	94.100								
b	Dự án nhóm C		337.396	215.749	242.500	164.500			90.000	45.500	94.100	94.100			94.100	94.100								
	- Cầu Ba Bọng trên tuyến đường ĐT 848	1237/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016	11.418	11.418	9.200	9.200			4.500	4.500	3.000	3.000			3.000	3.000								
	- Cầu Xèo Trầu, Xèo Lò và Xèo Dời (NS tính hỗ trợ phần XD và thanh toán ở KBNN ĐT)	215/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND huyện Châu Thành	34.120	26.477	26.000	18.500			19.500	12.000	2.000	2.000			2.000	2.000								
	- Cầu bệnh viện	50/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2016 của UBND huyện	12.644	8.500	8.500	3.500			5.000		3.500	3.500			3.500	3.500								
	- Đường An Hòa - Hòa Bình, đoạn từ UBND xã Phú Thành B đến đường ĐT 843 (Km10 - Km15)	313/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND huyện	14.949	14.649	13.000	6.000			7.000		3.000	3.000			3.000	3.000								
	- Đường cấp kênh Hội Đồng Tường (NS Tinh hỗ trợ có mục tiêu 35 tỷ đồng)	196/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của UBND huyện CL	53.218	35.000	35.000	20.000			15.000		20.000	20.000			20.000	20.000								

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017			Nhu cầu kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2018				Ghi chú		
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	- Đường ĐH 64 đoạn từ đường ĐT 848 đến cầu Lấp Vò (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 25 tỷ đồng)	1349/QĐ-UBND.HC ngày 12/7/2016; 7746/QĐ-UBND.HC ngày 12/10/2016 của UBND huyện	62.605	25.000	25.000	25.000					20.000	20.000			20.000	20.000			
	- Đường Ngô Gia Tự (đoạn từ QL54 tới cầu Long Thành)	277/QĐ-UBND-XDCB ngày 07/10/2016 của UBND huyện Long Hưng	32.417	20.600	29.100	10.600			10.000		10.600	10.600			10.600	10.600			
	- Đường Phù Đổng nối dài (giai đoạn 1)	1234/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016; 645/QĐ-UBND-HC ngày 19/6/2017 của UBND Tỉnh	24.105	24.105	21.700	21.700			9.000	9.000	12.000	12.000			12.000	12.000			
	- Mở rộng đường qua Công ty Ty Thạc (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 20 tỷ đồng)	262/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND huyện	50.195	20.000	45.000	20.000			15.000	15.000	5.000	5.000			5.000	5.000			
	- Nâng cấp hệ thống giao thông thoát nước xử lý chống ngập ứng thị trấn sa Rài (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 30 tỷ đồng)	91/QĐ-UBND.XDCB ngày 23/5/2015 của UBND huyện TH	41.725	30.000	30.000	30.000			5.000	5.000	15.000	15.000			15.000	15.000			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018		1.264.257	528.581	1.118.248	513.581			554.045	255.660	209.884	141.540			209.884	141.540			
a	Dự án nhóm B		1.208.245	489.581	1.079.248	489.581			539.045	255.660	196.884	128.540			196.884	128.540			

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2018				Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:	Tổng số		Trong đó:			
							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	- Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	1164/QĐ-UBND.HC ngày 17/10/2016; 1259/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	1.208.245	489.581	1.079.248	489.581			539.045	255.660	196.884	128.540			196.884	128.540			
<i>b</i>	<i>Dự án nhóm C</i>		<i>56.012</i>	<i>39.000</i>	<i>39.000</i>	<i>24.000</i>			<i>15.000</i>		<i>13.000</i>	<i>13.000</i>			<i>13.000</i>	<i>13.000</i>			
	- Đường Sông Tiền (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu phân xây lắp)	911A/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND CT	56.012	39.000	39.000	24.000			15.000		13.000	13.000			13.000	13.000			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2018		81.011	50.000	50.000	50.000					20.000	20.000			20.000	20.000			
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm C</i>		<i>81.011</i>	<i>50.000</i>	<i>50.000</i>	<i>50.000</i>					<i>20.000</i>	<i>20.000</i>			<i>20.000</i>	<i>20.000</i>			
	- Nâng cấp, cải tạo đường nhựa liên xã Long Thuận, Phú Thuận A, Phú Thuận B (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 30 tỷ đồng)	5081/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện	46.553	30.000	30.000	30.000					10.000	10.000			10.000	10.000			
	- Nâng cấp, cải tạo đường nhựa liên xã Long Khánh A, Long Khánh B (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 20 tỷ đồng)	5080/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện	34.458	20.000	20.000	20.000					10.000	10.000			10.000	10.000			
III	Hạ tầng đô thị - công nghiệp, TMDL		2.178.243	1.502.957	1.543.313	1.322.134			392.695	14.000	286.600	286.600			286.600	286.600			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018		956.384	382.455	498.568	277.389			359.695	14.000	29.600	29.600			29.600	29.600			
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm A</i>		<i>896.020</i>	<i>332.922</i>	<i>441.468</i>	<i>228.489</i>			<i>330.694</i>		<i>20.000</i>	<i>20.000</i>			<i>20.000</i>	<i>20.000</i>			

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2018				Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó: vốn XSKT				Tổng số	Trong đó: vốn XSKT						
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	- Hạ tầng khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười	434/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 của UBND huyện Tháp Mười	896.020	332.922	441.468	228.489			330.694		20.000	20.000			20.000	20.000			
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm C</b>		<b>60.364</b>	<b>49.533</b>	<b>57.100</b>	<b>48.900</b>			<b>29.001</b>	<b>14.000</b>	<b>9.600</b>	<b>9.600</b>			<b>9.600</b>	<b>9.600</b>			
	- Đường Lê Đại Hành giai đoạn 2 (đoạn từ đường Trần Quang Diệu đến đường Phù Đổng)	357/QĐ-UBND-HC ngày 30/3/2016, 1157/QĐ-UBND-HC ngày 13/10/2016 của UBND Tỉnh	19.527	17.222	17.000	17.000			11.000	3.000	3.600	3.600			3.600	3.600			
	- Đường Tân Việt Hòa đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến điểm đầu nối với đường vào cầu Cao Lãnh	320/QĐ-UBND-HC ngày 21/3/2016 của UBND Tỉnh	29.152	20.926	29.100	20.900			10.000	3.000	4.000	4.000			4.000	4.000			
	- Mở rộng đường vào Sờ Chi huy Bộ đội Biên phòng Tỉnh (đoạn từ Quốc lộ 30 đến cầu Bình Trị)	356/QĐ-UBND-HC ngày 30/3/2016 của UBND Tỉnh	11.685	11.385	11.000	11.000			8.000	8.000	2.000	2.000			2.000	2.000			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2018		1.221.859	1.120.502	1.044.745	1.044.745			33.000		257.000	257.000			257.000	257.000			
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>		<b>1.059.653</b>	<b>958.296</b>	<b>899.960</b>	<b>899.960</b>			<b>33.000</b>		<b>217.000</b>	<b>217.000</b>			<b>217.000</b>	<b>217.000</b>			
	- Đường ĐT 852B giai đoạn 2 (đường vành đai Tây Bắc)	1316/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	275.000	275.000	247.500	247.500			6.500		72.000	72.000			72.000	72.000			

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2018				Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó: vốn XSKT				Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Trong đó: vốn XSKT			
																	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	- Đường Lý Thường Kiệt nối dài	1299/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	161.626	161.626	145.460	145.460			2.000		37.000	37.000			37.000	37.000			
	- Đường Trần Thị Nương (giai đoạn 4)	1305/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	145.670	145.670	131.000	131.000			20.000		63.000	63.000			63.000	63.000			
	- Đường Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa	1298/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	477.357	376.000	376.000	376.000			4.500		45.000	45.000			45.000	45.000			
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm C</b>		<b>162.206</b>	<b>162.206</b>	<b>144.785</b>	<b>144.785</b>					<b>40.000</b>	<b>40.000</b>			<b>40.000</b>	<b>40.000</b>			
	- Cầu Ngõ Thời Nhậm, TPCL	1301/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	54.206	54.206	48.785	48.785					7.000	7.000			7.000	7.000			
	- Đường Nguyễn Sinh Sắc đoạn từ ĐT 848 đến cầu Cái Cỏ	1304/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	108.000	108.000	96.000	96.000					33.000	33.000			33.000	33.000			
<b>IV</b>	<b>Nông nghiệp và PTNT</b>		<b>1.920.013</b>	<b>371.909</b>	<b>1.300.630</b>	<b>233.900</b>			<b>323.111</b>	<b>73.150</b>	<b>63.000</b>	<b>33.000</b>			<b>63.000</b>	<b>33.000</b>			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018		<b>271.468</b>	<b>74.212</b>	<b>238.200</b>	<b>34.000</b>			<b>224.100</b>	<b>24.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>			<b>5.000</b>	<b>5.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>		<b>271.468</b>	<b>74.212</b>	<b>238.200</b>	<b>34.000</b>			<b>224.100</b>	<b>24.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>			<b>5.000</b>	<b>5.000</b>			

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017			Nhu cầu kế hoạch năm 2018					Dự kiến kế hoạch năm 2018					Ghi chú	
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:	Tổng số		Trong đó:			
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	- Tiểu dự án Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự (Vốn ADB)	3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06/12/2011; 2913/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/11/2012; 647/QĐ-BNN-TCTL ngày 03/4/2014 của Bộ NN&PTNT	271.468	74.212	238.200	34.000			224.100	24.000	5.000	5.000			5.000	5.000				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018		1.310.848	219.000	837.530	155.000			99.011	49.150	48.000	18.000			48.000	18.000				
a	Dự án nhóm B		1.310.848	219.000	837.530	155.000			99.011	49.150	48.000	18.000			48.000	18.000				
	- Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL) - Tiểu Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp	1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT	664.300	94.000	312.000	87.000			4.500	4.500	35.000	5.000			35.000	5.000				
	- Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/2015 của Bộ NN&PTNT	332.605	11.000	217.830	11.000			15.639	2.650	3.000	3.000			3.000	3.000				



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017			Nhu cầu kế hoạch năm 2018					Dự kiến kế hoạch năm 2018					Ghi chú	
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số		Trong đó:			
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	- Tiểu dự án Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh trục thoát lũ và cung cấp nước tưới tiêu cho vùng Đồng Tháp Mười (vốn ADB)	3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06/12/2011; 2913/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/11/2012; 647/QĐ-BNN-TCTL ngày 03/4/2014 của Bộ NN&PTNT; 881/QĐ-UBND.HC ngày 03/9/2013 của UBND Tỉnh	313.943	114.000	307.700	57.000			78.872	42.000	10.000	10.000			10.000	10.000				
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2018		337.697	78.697	224.900	44.900					10.000	10.000			10.000	10.000				
a	Dự án nhóm B		337.697	78.697	224.900	44.900					10.000	10.000			10.000	10.000				
	- Hệ thống đê bao ứng phó biến đổi khí hậu bảo vệ đời sống của người dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông	1310/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	337.697	78.697	224.900	44.900					10.000	10.000			10.000	10.000				
V	Văn hóa - Xã hội		13.341	5.035	13.200	5.000			1.500	1.500	2.300	2.300			2.300	2.300				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018		2.136	2.035	2.000	2.000			1.500	1.500	500	500			500	500				
b	Dự án nhóm C		2.136	2.035	2.000	2.000			1.500	1.500	500	500			500	500				
	- Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Chữa bệnh, Giáo dục và Lao động xã hội tỉnh Đồng Tháp	1243/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	2.136	2.035	2.000	2.000			1.500	1.500	500	500			500	500				
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2018		11.205	3.000	11.200	3.000					1.800	1.800			1.800	1.800				
a	Dự án nhóm C		11.205	3.000	11.200	3.000					1.800	1.800			1.800	1.800				

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2018				Ghi chú				
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT													Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
	- Nâng cấp, sửa chữa Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp	1309/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	11.205	3.000	11.200	3.000					1.800	1.800			1.800	1.800							
VI	Y tế		294.853	251.543	226.500	208.500			140.931	76.069	62.400	62.400			62.400	62.400							
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018		175.480	143.235	127.400	109.400			125.981	61.119	21.100	21.100			21.100	21.100							
a	Dự án nhóm B		123.046	98.835	83.000	65.000			97.681	32.819	5.000	5.000			5.000	5.000							
	- Bệnh viện huyện Hồng Ngự	793/QĐ-UBND.HC ngày 01/9/2010; 990/QĐ-UBND.HC ngày 10/10/2014; 72/QĐ-UBND.HC ngày 18/01/2017 của UBND Tỉnh	123.046	98.835	83.000	65.000			97.681	32.819	5.000	5.000			5.000	5.000							
b	Dự án nhóm C		52.434	44.400	44.400	44.400			28.300	28.300	16.100	16.100			16.100	16.100							
	-Bệnh viện Sản nhi giai đoạn 1	1206/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	41.941	35.000	35.000	35.000			23.300	23.300	11.700	11.700			11.700	11.700							
	- Sửa chữa các cơ sở y tế năm 2017	1267/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	10.493	9.400	9.400	9.400			5.000	5.000	4.400	4400			4400	4400							
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018		66.034	60.308	54.400	54.400			13.800	13.800	22.000	22.000			22.000	22.000							

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2018				Ghi chú				
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT													Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
a	Dự án nhóm B		66.034	60.308	54.400	54.400			13.800	13.800	22.000	22.000			22.000	22.000							
	- Nâng cấp Bệnh viện Quân dân y tỉnh Đồng Tháp (giai đoạn 2)	1217/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 của UBND Tỉnh	66.034	60.308	54.400	54.400			13.800	13.800	22.000	22.000			22.000	22.000							
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2018		53.339	48.000	44.700	44.700			1.150	1.150	19.300	19.300			19.300	19.300							
a	Dự án nhóm B		53.339	48.000	44.700	44.700			1.150	1.150	19.300	19.300			19.300	19.300							
	- Nâng cấp Bệnh viện y học Cổ truyền Đồng Tháp (giai đoạn 2)	1135/QĐ-UBND.HC ngày 06/10/2016 của UBND Tỉnh	53.339	48.000	44.700	44.700			1.150	1.150	19.300	19.300			19.300	19.300							
C	Tất toán các công trình										5.000	5.000			5.000	5.000							



6000

NTM

39200

NTM

NTM

NTM

NTM

NTM

NTM

NTM

NTM













